CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

Ngày 31/12/2025	5,020 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	-

DT thuần
Q4/25
937
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1,517| -61.8%
YoY: ▼5,322| -85.0%

LN thuần
Q4/25
-347
tỷ VNĐ
QoQ: ▼149| -75.4%
YoY: ▼470| -382%

LN sau thuế
Q4/25
-419
tỷ VNĐ
QoQ: ▼194| -86.2%
YoY: ▼515| -538%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-2.8%
YoY: +/-▼ 4.9%

ROE
2025
-46.6%
YoY: +/-▼ 52.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,000 - 13,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	444
Số lượng CPLH (CP)	88,415,751
KLGD BQ 20 phiên (CP)	185,755
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.52
EPS	-6,863
P/E	-0.7

DT thuần
2025
12,386
tỷ VNĐ
YoY: ▼3,871| -23.8%

LN thuần
2025
-510
tỷ VNĐ
YoY: ▼656| -450%

LN sau thuế
2025
-597
tỷ VNĐ
YoY: ▼706| -649%

Cơ cấu sở hữu

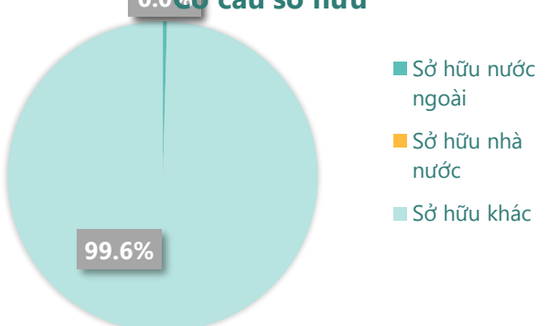

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

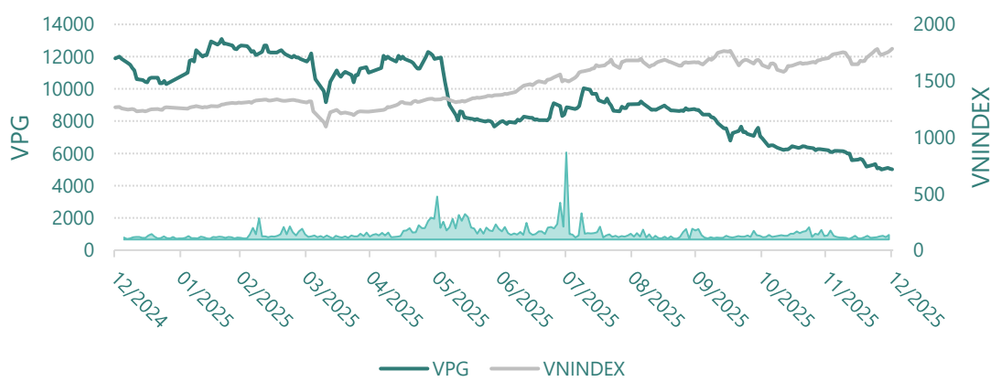

Cơ cấu cổ đông

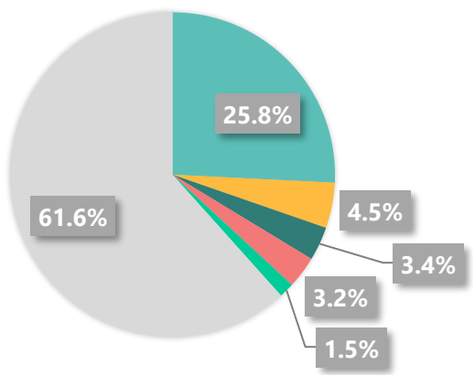

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

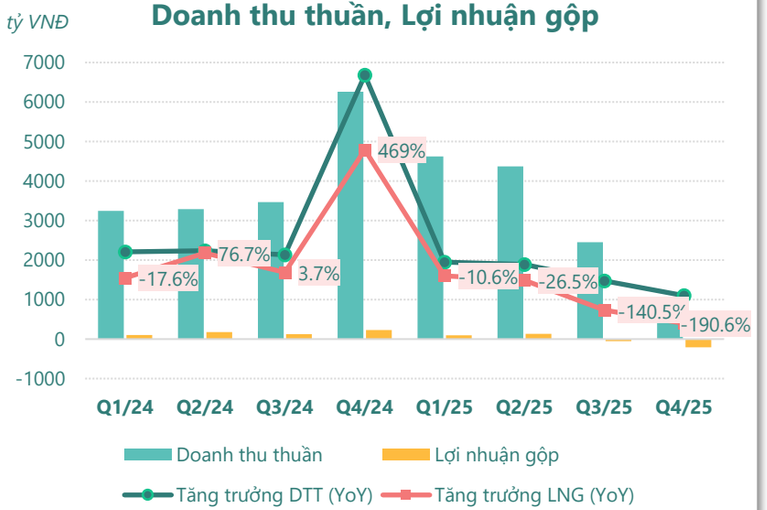

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

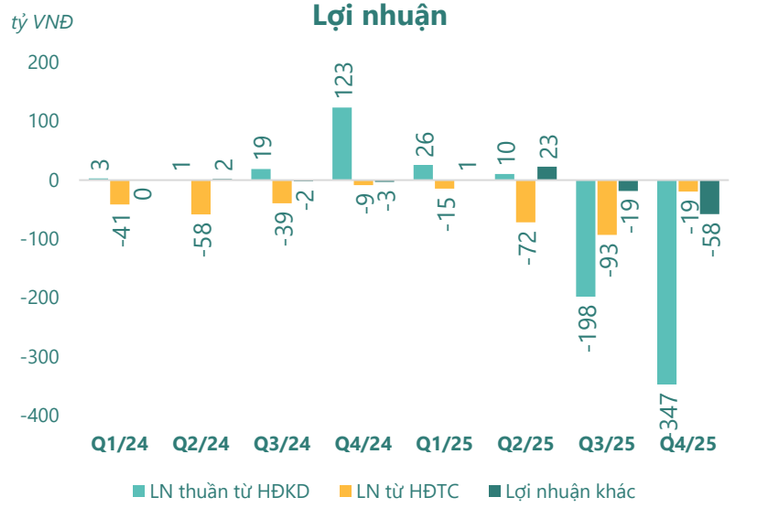

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

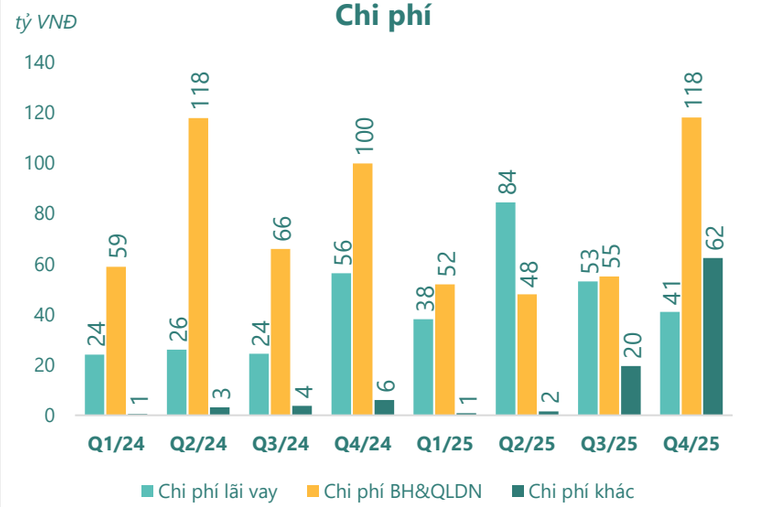

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

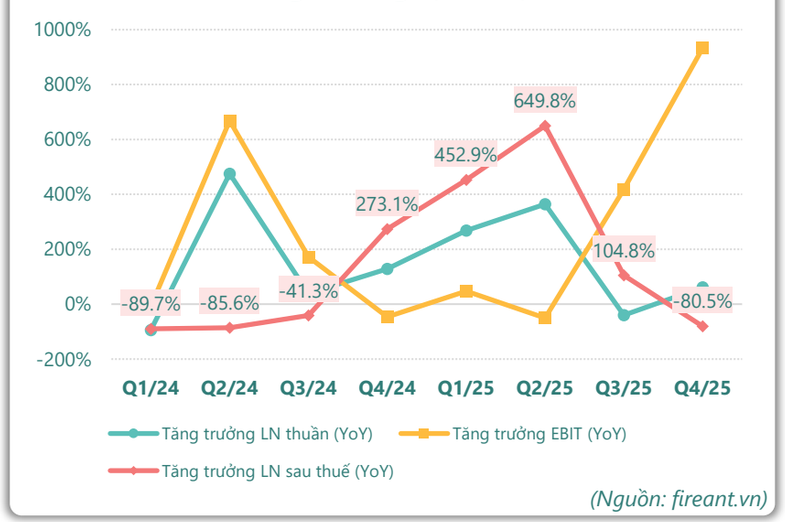

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

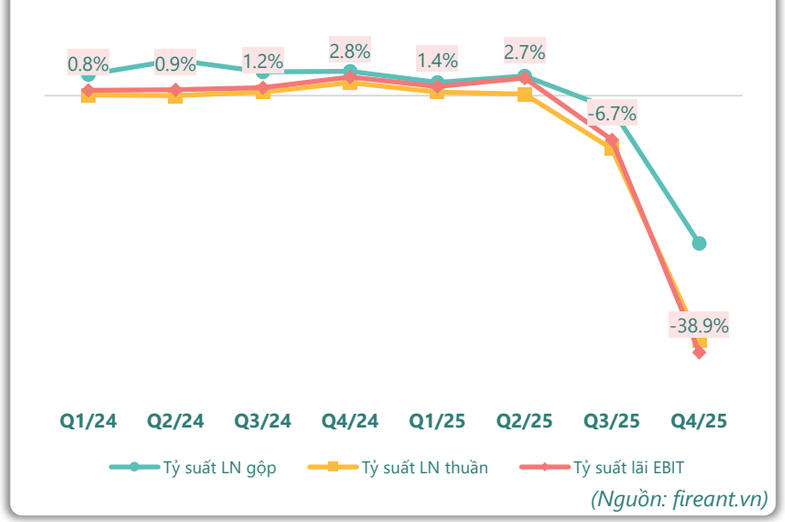

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

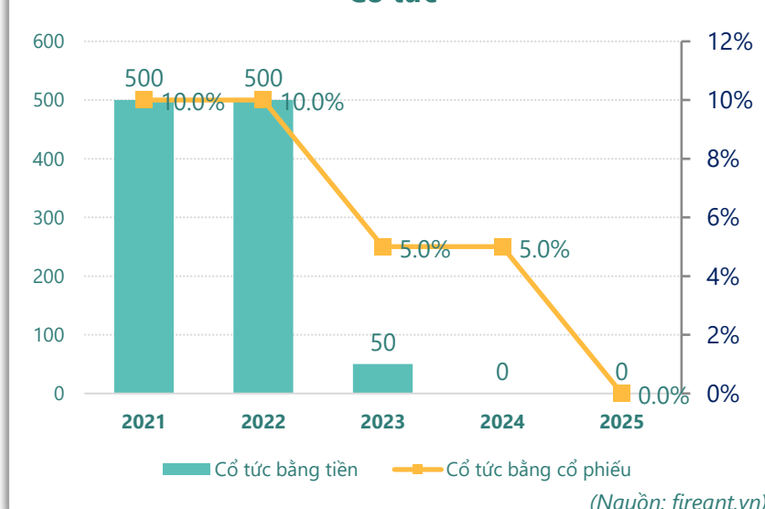

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

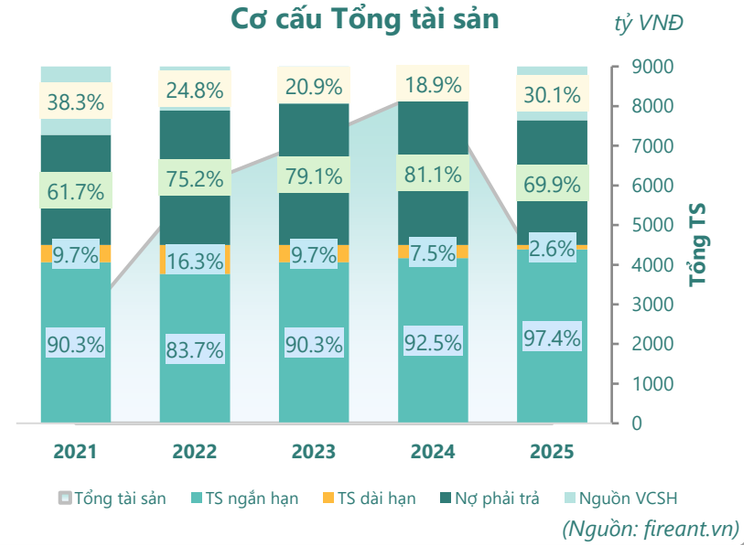

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

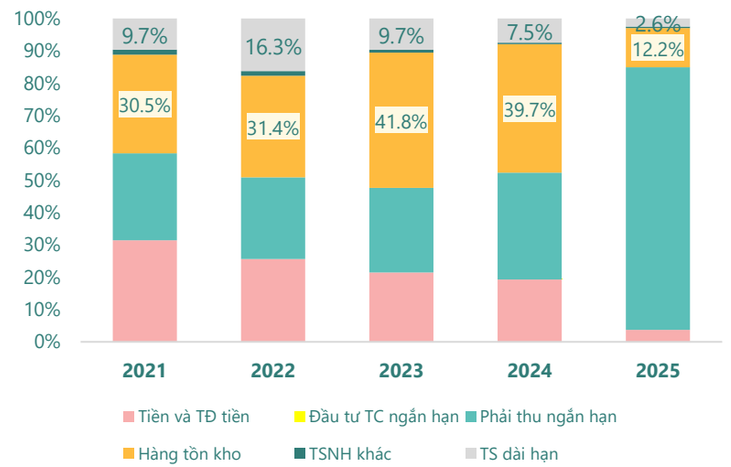

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

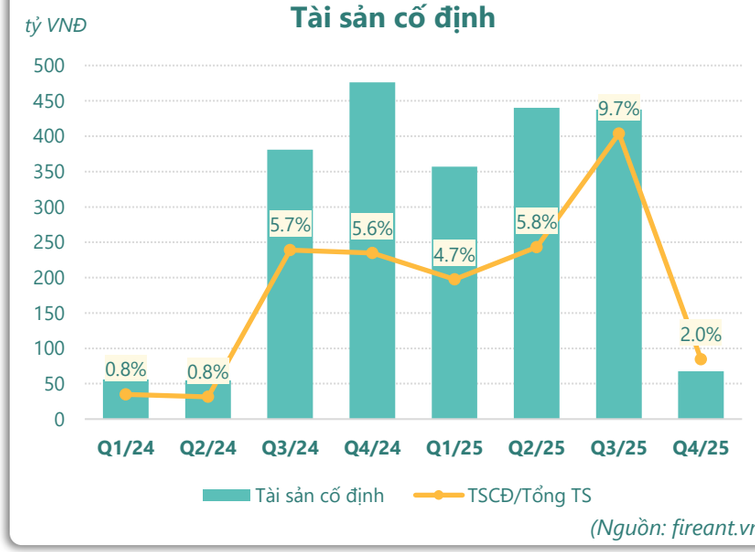

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

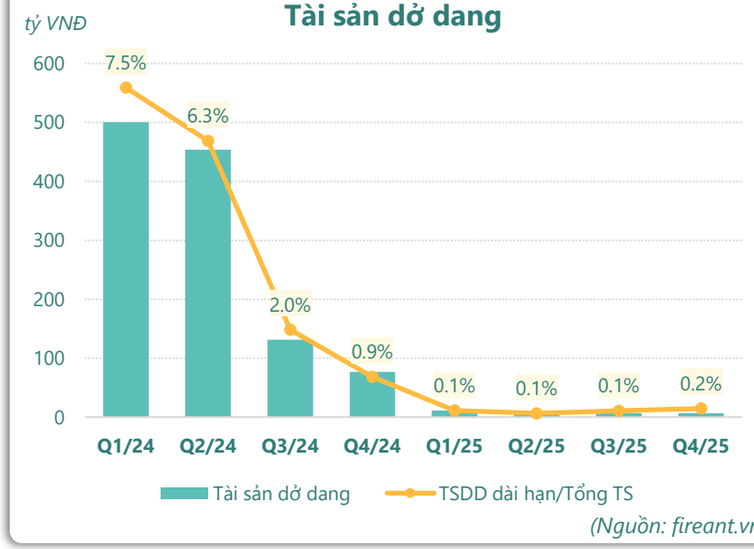

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

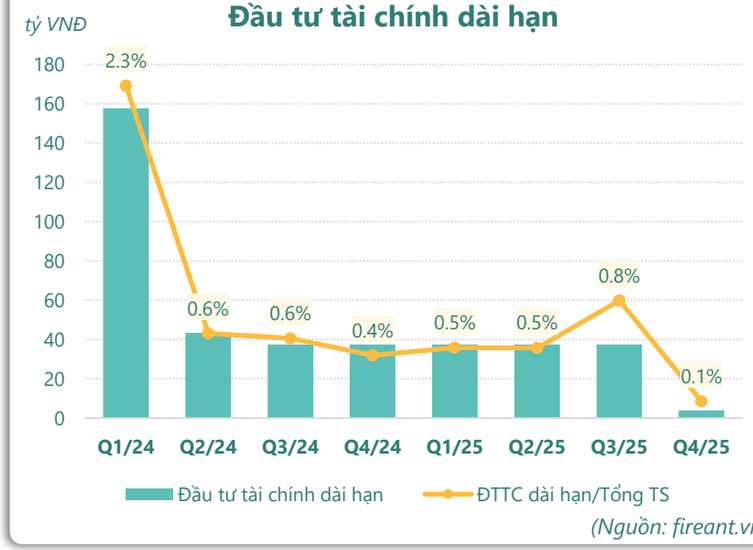

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

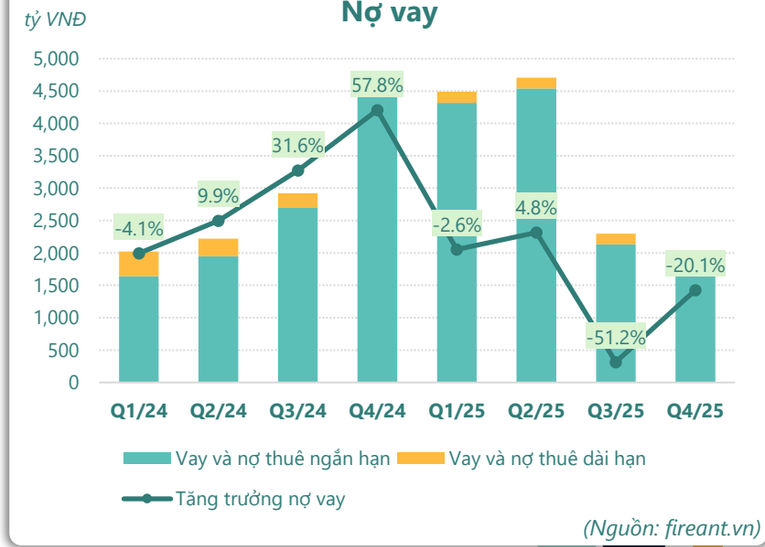

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

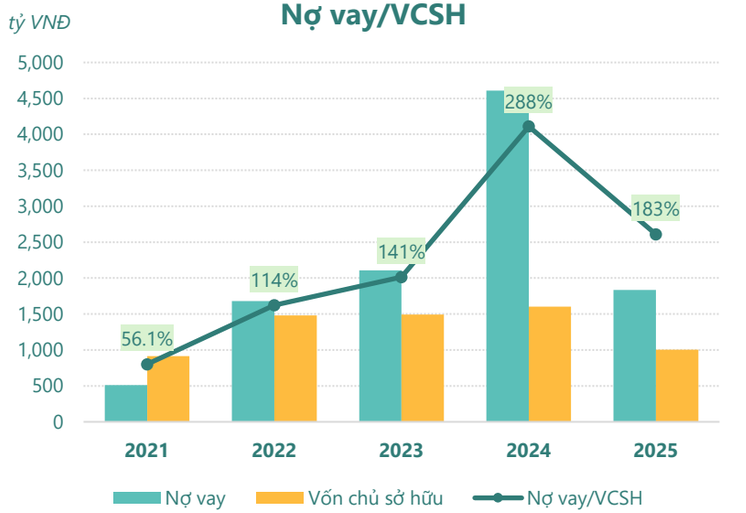

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

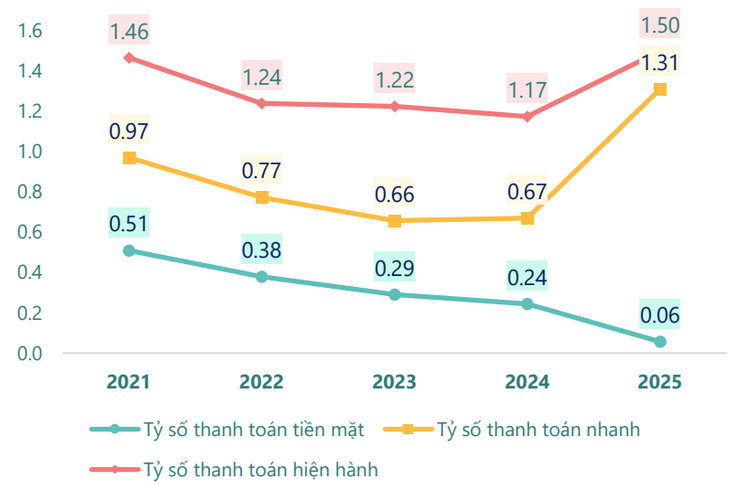

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

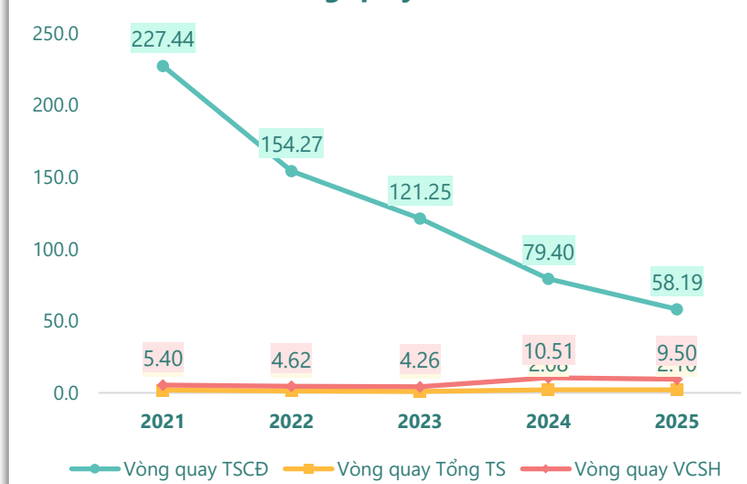

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

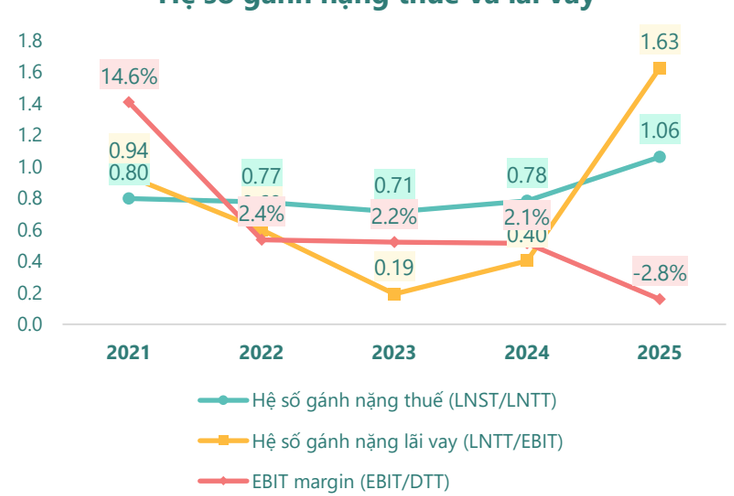

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

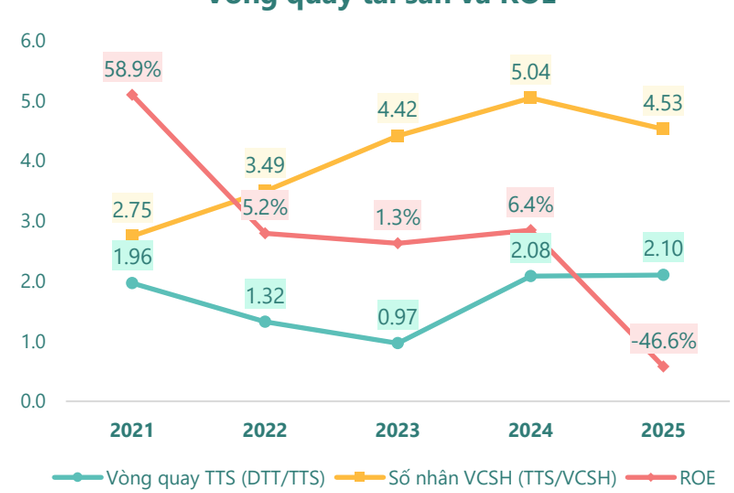

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

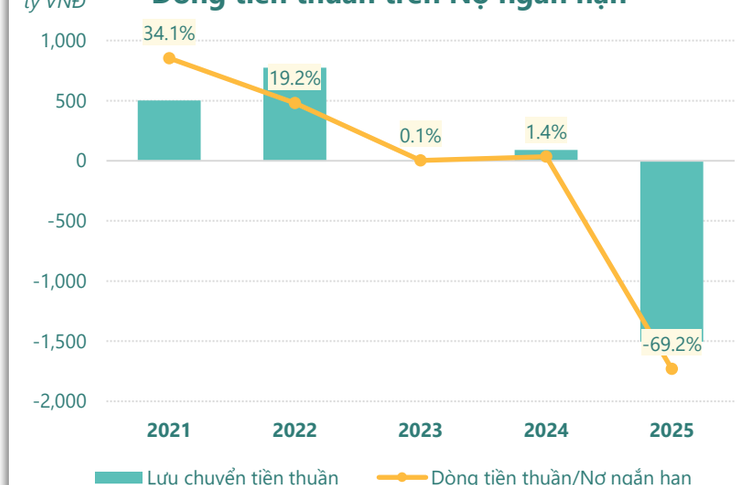

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**937**	**6,259**	**-85.0%**	**12,386**	**16,257**	**-23.8%**
Giá vốn hàng bán	1,146	6,027	-81.0%	12,423	15,620	-20.5%
Lợi nhuận gộp	-210	232	-190%	-37.5	637	-106%
Doanh thu HĐTC	24.1	60.7	-60.3%	90.9	166	-45.4%
Chi phí TC	43.5	69.3	-37.2%	290	313	-7.5%
Chi phí lãi vay	41.0	56.3	-27.2%	217	207	4.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	14.1	73.3	-80.8%	107	238	-55.0%
Chi phí QLDN	**104**	**26.5**	**293%**	**166**	**106**	**56.6%**
LN thuần từ HĐKD	-347	123	-382%	-510	146	-450%
Lợi nhuận khác	**-57.8**	**-3.21**	**-1701%**	**-53.0**	**-6.70**	**-691%**
LN trước thuế	-405	120	-438%	-563	139	-504%
Lợi nhuận sau thuế	**-419**	**95.6**	**-538%**	**-597**	**109**	**-649%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-421**	**86.4**	**-588%**	**-607**	**98.8**	**-714%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	621	406	-571	-823	2,210	437
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.78	3.33	-11.4	0.78	-13.5	59.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-362	427	-118	203	-2,146	-733
Tiền đầu kỳ	526	788	1,628	927	309	360
Lưu chuyển tiền thuần	**262**	**836**	**-701**	**-619**	**51.0**	**-236**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	4.68	0	0.55	-0.30	0.47
Tiền cuối kỳ	788	1,628	927	309	360	124

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,340**	**8,457**	**-60.5%**
Tài sản ngắn hạn	3,254	7,823	-58.4%
Tiền và tương đương tiền	124	1,628	-92.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.26	-100%
Phải thu ngắn hạn	2,712	2,796	-3.0%
Hàng tồn kho	407	3,357	-87.9%
Tài sản ngắn hạn khác	12.6	41.4	-69.6%
Tài sản dài hạn	**85.2**	**634**	**-86.6%**
Phải thu dài hạn	0.61	0.62	-2.2%
Tài sản cố định	67.8	358	-81.1%
Bất động sản đầu tư	0	142	-100%
Tài sản dở dang	6.47	75.9	-91.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.00	37.5	-89.3%
Tài sản dài hạn khác	**6.33**	**20.1**	**-68.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,335	6,855	-65.9%
Nợ ngắn hạn	**2,174**	**6,669**	**-67.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,675	4,432	-62.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	108	1,947	-94.5%
Nợ dài hạn	161	187	-13.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	161	176	-8.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,005**	**1,602**	**-37.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,005**	**1,602**	**-37.3%**
Vốn điều lệ	884	884	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)